

Nhìn nhận chính sách xã hội hóa quản lý rác thải của Thành phố Hà Nội từ hoạt động của Hợp tác xã vệ sinh môi trường Thành Công tại phường Nhân Chính

Đình Đức Trường*

*Khoa Kinh tế - Quản lý Môi trường và Đô thị, Đại học Kinh tế quốc dân (NEU)
207 Giải Phóng, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 20 tháng 5 năm 2009

Tóm tắt. Chính sách xã hội hoá quản lý rác thải đô thị của Thành phố Hà Nội khởi xướng năm 2000 đã tạo ra tiền đề cho sự tham gia của khu vực tư nhân và cộng đồng trong quản lý chất thải rắn đô thị. Bên cạnh các doanh nghiệp nhà nước, các mô hình doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, cộng đồng thu gom và vận chuyển rác đã ra đời và hoạt động, từng bước đạt được các kết quả khả quan, giảm bớt gánh nặng nguồn lực cho Nhà nước trong quản lý đô thị. Nghiên cứu này giới thiệu về hoạt động của mô hình hợp tác xã vệ sinh môi trường Thành Công và đánh giá hiệu quả hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải đô thị của hợp tác xã địa bàn phường Nhân Chính. Kết quả đánh giá cho thấy mô hình đạt được hiệu quả trong cả bốn khía cạnh là kinh tế, xã hội, môi trường và quản lý. Tuy nhiên, hoạt động của mô hình vẫn gặp phải những những khó khăn về cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính cũng như ý thức chưa cao của một bộ phận người dân. Đây cũng chính là những khía cạnh mà các nhà quản lý cần quan tâm và đưa ra các giải pháp cụ thể để tiếp tục hỗ trợ và khuyến khích, thúc đẩy chính sách xã hội hoá.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hoá đang diễn ra mạnh mẽ tại thủ đô Hà Nội cùng với tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hoá. Đô thị hoá một mặt mang lại cơ hội tập trung các nguồn lực để phát triển kinh tế nhưng cũng đi kèm với nó là các thách thức về môi trường. Hiện tại, Hà Nội đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề môi trường mà một trong số đó là quản lý chất thải rắn đô thị. Cũng giống như các đô thị lớn ở các nước đang phát triển, tại Hà Nội, khu vực nhà nước hiện không có đủ nguồn

lực để có thể cung ứng đầy đủ và thoả đáng các dịch vụ công bao gồm cả dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải. Theo Tổng Cục Bảo vệ môi trường (2007), Công ty Môi trường và đô thị Hà Nội (URENCO) chỉ có thể thu gom được khoảng 70% lượng rác thải phát sinh hàng ngày trong địa bàn nội thành thành phố, chủ yếu là các quận trung tâm. Lượng rác thải còn lại chủ yếu được xử lý tại các hộ gia đình hoặc vứt, đổ bừa bãi ra các khu vực công cộng gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường, gây hại cho sức khoẻ của cộng đồng [1].

Để đối phó với tình trạng trên, vào năm 2000, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 5466/QĐ-2000 về việc thực hiện

*ĐT: 84-4-39263133.

E-mail: dinhductruong@yahoo.com

chính sách xã hội hóa (XHH) công tác thu gom và vận chuyển rác thải trên địa bàn thành phố. Trọng tâm của chính sách này là việc khuyến khích các đơn vị nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng và các tổ chức xã hội dân sự tham gia quản lý chất thải. Mục tiêu của chính sách là nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các thành phần kinh tế và cộng đồng và khuyến khích các nhóm này chia sẻ trách nhiệm với nhà nước trong các hoạt động quản lý chất thải dân dụng. Chính sách này tạo điều kiện cho sự ra đời và hoạt động của nhiều mô hình quản lý rác thải tại Hà Nội, trong đó có mô hình hợp tác xã thu gom vận chuyển rác thải.

Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá hiệu quả mô hình xã hội hóa thu gom, vận chuyển rác thải theo hình thức hợp tác xã tại Hà Nội. Thông qua nghiên cứu điểm về hiệu quả hoạt động của hợp tác xã Thành Công trên địa bàn phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, bài viết tập trung vào trả lời câu hỏi nghiên cứu "Chính sách XIII thu gom rác thải theo mô hình hợp tác xã có mang lại hiệu quả không và những vấn đề gì cần phải cải thiện để hiệu quả của mô hình tiếp tục được phát huy". Bài viết gồm có năm phần. Ngoài phần đặt vấn đề và kết luận, phần 2 sẽ giới thiệu sơ bộ về các khái niệm liên quan đến chính sách XHH bảo vệ môi trường và khung lý thuyết đánh giá chính sách/mô hình quản lý môi trường. Phần 3 giới thiệu về hoạt động và đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX thu gom, vận chuyển rác Thành Công trên địa bàn phường Nhân Chính cùng với các vấn đề tồn tại của mô hình. Phần 4 đưa ra các đề xuất để hoàn thiện chính sách XHH thu gom, vận chuyển rác tại Hà Nội.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm XHH Bảo vệ môi trường

Theo TS. Trần Thanh Lâm, Học viện Hành chính quốc gia (2003):

"XHH công tác bảo vệ môi trường (BVMT) là quá trình chuyển hóa tạo lập cơ chế hoạt

động và cơ chế tổ chức quản lý mới trong hoạt động BVMT trên cơ sở đồng trách nhiệm, nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của xã hội phục vụ cho công tác BVMT để đạt mục tiêu phát triển bền vững"[2].

Như vậy nội hàm cốt lõi của XHH công tác BVMT là việc huy động sự tham gia của cộng đồng, của toàn xã hội cho công tác BVMT đồng thời biến công tác BVMT thành quyền lợi và nghĩa vụ của mọi người. XHH công tác BVMT là sự kết hợp hài hòa giữa vai trò của nhân dân và sự đầu tư quản lý của nhà nước, kết hợp với lợi ích của cộng đồng và các thành phần kinh tế cùng tham gia nhằm chia sẻ bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước và địa phương. Khi lực lượng cộng đồng tham gia vào công tác BVMT, nhà nước sẽ có thêm nguồn lực để giải quyết các vấn đề ưu tiên khác.

Ở các đô thị đang phát triển, nơi mà lượng rác thải ngày càng gia tăng gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường thì XIII công tác BVMT bao gồm XIII việc quản lý rác thải đô thị. Cụ thể là Nhà nước sẽ khuyến khích các cá nhân và tổ chức tham gia vào khâu thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải một cách tích cực nhằm nâng cao chất lượng của công tác vệ sinh môi trường, đồng thời giảm bớt sự bao cấp của Nhà nước.

Các đơn vị tham gia xã hội hóa thu gom, vận chuyển rác có thể bao gồm :

- Doanh nghiệp quốc doanh,
- Công ty cổ phần,
- Nhóm cộng đồng tự quản,
- Hợp tác xã (HTX).

2.2. Khung phân tích hiệu quả của chính sách môi trường

Theo Chương trình môi trường Đông Nam Á (EEPSEA) thì việc đánh giá một mô hình quản lý môi trường phải phân tích được tác động và hiệu quả của mô hình đó trên ba khía cạnh là kinh tế, xã hội và môi trường [3]. Ngoài ra, việc đánh giá một mô hình quản lý môi

trường phải được dựa trên một khung phân tích gồm các chi tiêu (criteria), thước đo (measure) và phương pháp đánh giá. Nghiên cứu này áp dụng khung phân tích mô hình quản lý chất thải

rắn đô thị được đưa ra bởi Nancy Olewile (2007) [4], trong đó lồng ghép các chi tiêu thước đo về các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường và quản lý của mô hình tại điểm nghiên cứu

Bảng 1. Khung tiếp cận phân tích hiệu quả của một mô hình quản lý chất thải rắn

Chi tiêu	Thước đo	Phương pháp đánh giá
Hiệu quả kinh tế (Economic efficiency)	Chi phí đầu tư Chi phí vận hành và quản lý Doanh thu Thu nhập hàng kỳ	Phương pháp thu thập dữ liệu Phỏng vấn Số liệu thứ cấp từ mô hình Nguồn dữ liệu Người dân, ban quản lý mô hình thu gom, chính quyền địa phương
Hiệu quả môi trường (Environment performance)	Tỷ lệ rác được thu gom Chất lượng dịch vụ thu gom Nhận thức của cộng đồng về các vấn đề môi trường tại khu vực	Phương pháp thu thập dữ liệu Phỏng vấn, điều tra Phỏng vấn sâu Thảo luận nhóm (Focus group discussions) Số liệu thứ cấp Nguồn dữ liệu Người dân, ban quản lý mô hình thu gom, chính quyền địa phương.
Hiệu quả xã hội (Social performance)	Tỷ lệ chấp nhận dịch vụ từ công chúng Mức độ tham gia của cộng đồng vào quá trình quản lý rác thải Thu nhập của nhân công Cơ hội việc làm cho người dân địa phương	Phương pháp thu thập dữ liệu Phỏng vấn, điều tra Phỏng vấn sâu Thảo luận nhóm Số liệu thứ cấp Nguồn dữ liệu Người dân, ban quản lý mô hình thu gom, chính quyền địa phương, nhân công thu gom trực tiếp
Hiệu quả quản lý (Management performance)	Khung pháp lý tiếp tục hỗ trợ cho hoạt động xã hội hóa Giảm gánh nặng tài chính cho Nhà nước Khả năng hợp tác giữa các đơn vị quản lý chức năng của Nhà nước với đơn vị xã hội hóa Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước bao gồm cả các rào cản cần được tháo gỡ.	Phương pháp thu thập dữ liệu Phỏng vấn, điều tra Phỏng vấn sâu Thảo luận nhóm Số liệu thứ cấp Nguồn dữ liệu Người dân, ban quản lý mô hình thu gom, chính quyền địa phương, các nhà quản lý MT.

Nguồn: Nancy Olewiler (2007)

3. Đánh giá hiệu quả của mô hình thu gom, vận chuyên rác thải của HTX Thành Công trên địa bàn phường Nhân Chính Hà Nội

3.1. Bối cảnh quản lý rác thải tại phường Nhân Chính

Phường Nhân Chính thuộc Quận Thanh Xuân nằm ở phía Tây Nam thành phố Hà Nội.

Trước đây, Nhân Chính là một xã ven đô, sau đó được chuyển thành phường từ tháng 1/1997. Phường có diện tích tự nhiên là 160,9 ha bao gồm một số làng xóm cũ, các khu tập thể và khu chung cư mới được hình thành. Sau khi phường được thành lập, dân cư trong phường tăng cơ học đặc biệt là sự phát triển của khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính và làng sinh viên

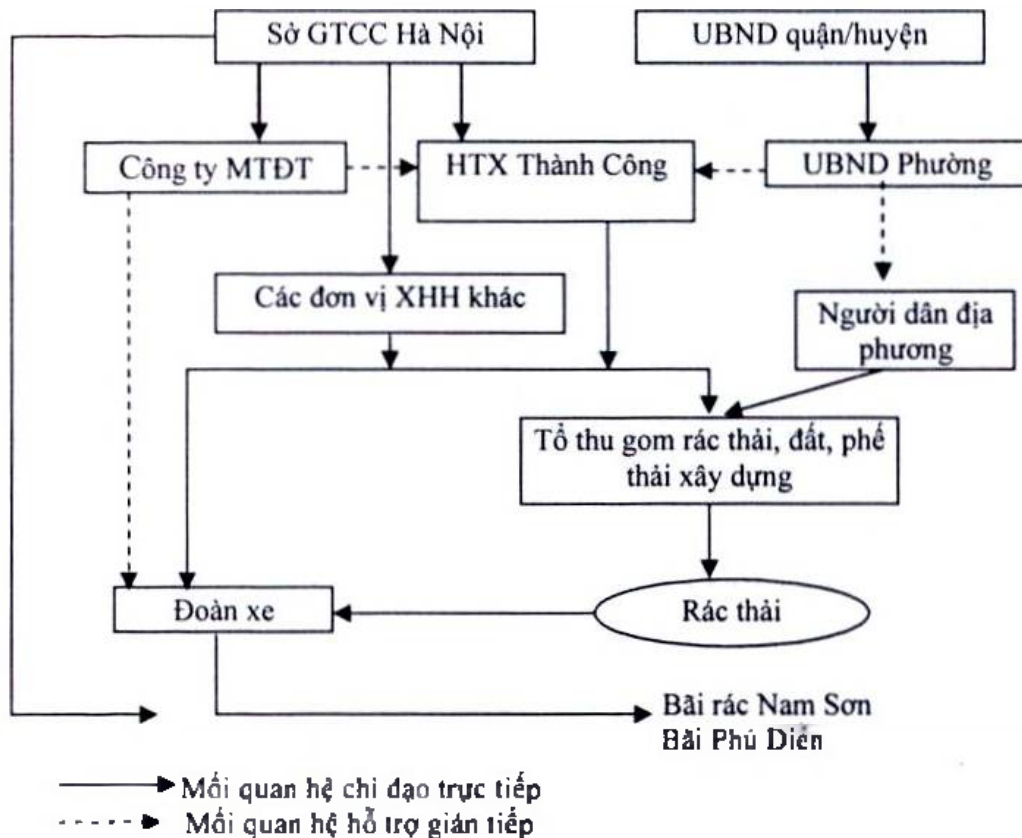
32.452 người thuộc 7.618 hộ gia đình và 100 tổ dân cư. Nghề nghiệp chủ yếu của dân cư phường là cán bộ, công chức, kinh doanh nhỏ lẻ, công nhân và sinh viên.

Trước năm 2000, người dân ở phường có thói quen vứt rác ra các khu vực công cộng. Tuy nhiên, cùng với quá trình đô thị hóa, các khu vực công cộng bị thu hẹp trong khi rác thải phát sinh nhiều hơn và khó xử lý hơn. Để chủ động giải quyết các vấn đề môi trường, năm 2000, UBND Phường Nhân Chính đã ra quyết định thành lập tổ thu gom rác dân lập trên địa bàn phường gọi là tổ vệ sinh tự quản để thu gom, xử lý rác thải. Tuy nhiên, tổ tự quản này hoạt động không có hiệu quả do thiếu cơ chế hỗ trợ, nguồn lực tài chính, nhân lực và kỹ thuật. Vào năm 2004, với chính sách XHH công tác BVMT, UBND quận Thanh Xuân đã giao cho HTX Thành Công trách nhiệm thu gom, vận chuyển rác thải tại phường Nhân Chính, nhóm

tự quản của phường sau đó được sáp nhập vào HTX Thành Công.

3.2. Giới thiệu về HTX Thành Công

HTX vệ sinh môi trường Thành Công được thành lập năm 2000, hoạt động trong lĩnh vực VSMT sau khi có chính sách XHH quản lý rác thải của UBND Hà Nội theo Quyết định số 5466/QĐ-2000 của UBND Thành phố. Về tổ chức, HTX chịu sự chỉ đạo của Sở Giao thông công chính Hà Nội (GTCC), UBND quận Thanh Xuân về mọi mặt, thực hiện công tác VSMT theo hợp đồng kinh tế với Sở GTCC Hà Nội. Về hoạt động, HTX Thành Công là một chủ thể kinh tế có pháp nhân độc lập, hoạt động theo Luật Hợp tác, được phép cung cấp dịch vụ vệ sinh trên địa bàn 5 phường thuộc quận Thanh Xuân, 1 phường thuộc quận Đống Đa và 3 xã thuộc huyện Từ Liêm [5].



Hình 1. Mô hình quản lý công tác VSMT của HTX Thành Công

Nguồn: Hợp tác xã vệ sinh môi trường Thành Công (2008)

Nguồn: Hợp tác xã vệ sinh môi trường Thành Công (2008)

Nhiệm vụ của HTX Thành Công

HTX Thành Công có nhiệm vụ chính gồm (i) Quét gom rác đường và thu gom rác sinh hoạt từ các hộ dân, tập thể, chung cư. (ii) Thu gom rác thải của các cơ quan xí nghiệp, cơ sở kinh doanh theo hợp đồng. (iii) Thu gom và vận chuyển rác thải, phế thải về các bãi rác Nam Sơn và Phú Diễn.

Nguồn thu của HTX Thành Công

- Tiền phí dịch vụ VSMT do người dân đóng góp tính trên đầu người, thu từ hợp đồng

dịch vụ với các xí nghiệp, hộ kinh doanh, khu chung cư, công sở đóng trên địa bàn phường; theo Quyết định số 111/2007/QĐ-UBND năm 2007 của UBND Hà Nội về việc thu phí vệ sinh trên địa bàn thành phố.

- Thu từ dịch vụ hợp đồng với Ban quản lý Dự án Duy tu giao thông đô thị - Sở GTCC Hà Nội từ khâu vận chuyển rác đến nơi quy định theo đơn giá đặt hàng được phê duyệt theo Quyết định 3780/QĐ-UBND năm 2007 của UBND Thành phố Hà Nội.

Bảng 2. Năng lực tài chính và vật chất của HTX Thành Công

STT	Nội dung	Số lượng
1	Vốn kinh doanh	
1.1	Vốn cố định và lưu thông dài hạn	21 tỷ đồng
1.2	Vốn lưu thông ngắn hạn	7,5 tỷ đồng
2	Nhân lực	551 cán bộ và nhân công
3	Máy thi công	4 xe
4	Xe ô tô chuyên dùng	38 xe
5	Thùng Container đựng rác thải, đất thải	30 thùng
6	Công cụ, dụng cụ	
6.1	Xe gom rác thủ công	800 xe
6.2	Thùng rác vụn	300 thùng
7	Thiết bị văn phòng	16 loại

Nguồn: HTX Thành Công (2008)

Bảng 3. Chi phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển rác của HTX tháng 3/2008

TT	Khoản chi	Chi phí (VND)
1	Chi phí riêng tại phường	
	Dụng cụ lao động	6.334.661.685
	Chi phí lao động thu gom	84.197.600
	Cán bộ quản lý	12.722.889.25
	Dầu mỡ tại các dân phố	8.372.616
	Xe ô tô rác và chi phí lái xe	70.185.000
2	Chi phí chung (của cả HTX được phân bổ riêng cho phường Nhân Chính)	24.886.000
3	Tổng chi phí trong T3/2008	206.698.766.935

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Bảng 4. Nguồn thu của HTX trong tháng 3/2008

	Số lượng	Mức thu	Tỷ lệ thu	Tổng (VND)
Từ phân loại sơ cấp				5.942.000
Thu từ dân	32.452 người	3.000 đ/ng/th	86 %	83.726.160
Dịch vụ hợp đồng và các tổ chức hoạt động trên địa bàn	18,46 tấn	160.000 đồng/m ³ hoặc 380.000 đồng/tấn	100 %	7.014.250
Từ ngân sách Nhà nước	1302 tấn	110.323 đồng/tấn	100 %	143.640.546
Tổng				240.322.956

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

3.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX thu gom, vận chuyển rác Thành Công trên địa bàn phường Nhân Chính

Hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế của hoạt động được đo thông qua sự chênh lệch bằng tiền giữa tổng lợi ích/doanh thu của hoạt động với tổng chi phí.

Bảng 3 và 4 tóm lược các dòng chi phí và doanh thực của HTX Thành Công tại phường Nhân Chính trong tháng 3 năm 2008.

Như vậy công tác XHH thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn phường Nhân Chính đã mang lại hiệu quả kinh tế cho HTX Thành Công là khoảng 33,6 triệu đồng trong tháng 3/2008.

Bảng 5. Dự kiến lượng rác thải phát sinh hàng ngày tại phường Nhân Chính

TT	Loại rác thải	Số lượng (kg)/ngày	Căn cứ xác định
1	Dự kiến lượng rác sinh hoạt	32.452	Bộ TNMT
2	Dự kiến lượng rác công sở	434	HTX Thành Công
3	Dự kiến lượng rác thải đường phố	11.329	Trung tâm Môi trường đô thị và Khu CN
	Tổng số	44.215	

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Hiệu quả môi trường

- Tỷ lệ rác thải được thu gom

Theo báo cáo thống kê của HTX Thành Công, lượng rác thu gom tại phường Nhân Chính trong 1 ngày là khoảng 4 tấn. Như vậy, tỷ lệ thu gom rác thải ở phường Nhân Chính khoảng 90 % tổng lượng rác phát sinh. Con số này khá cao so với tỷ lệ thu gom đô thị nói chung ở Việt Nam (71%) và khu vực nông thôn (20%). Lượng rác chưa được thu gom chủ yếu còn tồn đọng ở các bờ sông, bờ ao cũ của phường. Ngoài ra các loại chất thải chỉ mới được thu gom và chưa được phân loại kỹ, một phần chất thải có thể tái chế vẫn chưa được tận dụng.

- Chất lượng dịch vụ thu gom

Tổng hợp kết quả điều tra thực tế 91 hộ gia đình tại phường Nhân Chính về chất lượng thu gom rác của HTX trên địa bàn phường cho thấy có 38% số hộ gia đình hài lòng và 12% số hộ rất hài lòng về chất lượng thu gom. Khoảng 37% số hộ đánh giá chất lượng thu gom ở mức "bình thường" trong khi số hộ không hài lòng chiếm khoảng 12%.

Như vậy, có thể thấy đa số người dân địa phương hài lòng với dịch vụ thu gom của HTX. Những hộ gia đình chưa thỏa mãn với chất lượng dịch vụ chủ yếu ở trong các ngõ sâu hoặc hẻm nhỏ, hoặc tại những địa bàn có nhiều cửa hàng kinh doanh nhỏ, quán cóc, khu trọ hay vút rác bừa bãi. Những người trả lời "rất hài lòng" chủ yếu thuộc khu đô thị mới Trung Hòa -

Nhân Chính hay làng sinh viên HACINCO, nơi việc tiếp cận với dịch vụ là khá tiện dụng.

Hiệu quả xã hội

- Tỷ lệ nộp phí và chấp nhận mức phí từ phía người dân

Trên thực tế, HTX thu được khoảng 86 % phí VSMT tại các hộ gia đình và cơ sở trên địa bàn phường. Tỷ lệ này khi HTX mới hoạt động tại phường chỉ là 60%. Như vậy, đã có một sự gia tăng đáng kể trong tỷ lệ phí thu được. Điều này có thể cho thấy nhận thức và nhu cầu gia tăng của người dân đối với vấn đề quản lý rác thải cũng như khả năng vận động, tuyên truyền thuyết phục hiệu quả của HTX dưới sự hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương. Những người không tham gia dịch vụ thu gom chủ yếu là các cửa hàng kinh doanh nhỏ trên địa bàn, các hộ gia đình cho thuê nhà và sinh viên.

Cũng theo kết quả điều tra ở 91 hộ gia đình tại phường về mức phí thu gom rác của HTX: có 32 % số hộ gia đình hài lòng và 25% số hộ rất hài lòng với mức phí là 2500 đồng/người/tháng. Khoảng 29% số hộ cho rằng mức phí thu gom là 'bình thường' trong khi số hộ không hài lòng với mức phí hiện tại chiếm khoảng 13%.

- Tăng cường sự tham gia của người dân địa phương trong hoạt động của mô hình

Trong quá trình hoạt động, HTX luôn tiếp nhận ý kiến của người dân địa phương để mô hình hoạt động được hiệu quả hơn. Người dân địa phương có thể đóng góp ý kiến với HTX thông qua gọi điện hoặc phản ánh trực tiếp đến HTX. Bên cạnh đó thì UBND phường, Hội Phụ nữ, các tổ trưởng tổ dân phố cũng tham gia giám sát hoạt động của HTX trên địa bàn phường và đề xuất, truyền tải các ý kiến khi có các vấn đề phát sinh.

Hội Phụ nữ phường cũng thường xuyên giới thiệu các công dân phường là phụ nữ, người nghèo, gia đình hoàn cảnh khó khăn để HTX

tiếp nhận làm việc do họ thông thuộc tình hình địa phương và có thể tuyên truyền, thuyết phục người dân giữ gìn vệ sinh môi trường, đóng phí sử dụng dịch vụ đầy đủ.

- Tạo thu nhập và phúc lợi cho nhân công

Từ khi thành lập, HTX đã nhiều lần tăng lương để cải thiện đời sống của người lao động. Tiền công của nhân công thu gom hiện tại là 50.000 đồng/ngày, cán bộ quản lý là 100.000 đồng/ngày. Vào các dịp lễ Tết, HTX đều có chế độ thưởng riêng với người lao động.

Do thường xuyên tiếp xúc với môi trường độc hại ảnh hưởng tới sức khỏe nên HTX kết hợp với UBND, Trạm Y tế của phường Nhân Chính tổ chức tạo điều kiện cho các xã viên của HTX khám, chữa bệnh hàng năm. Đồng thời, công nhân thu gom được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ để bảo vệ sức khỏe như mũ, găng tay, khẩu trang, quần áo, giày lao động.

- Tạo cơ hội việc làm cho người dân địa phương

Hoạt động của HTX Thành Công trên địa bàn phường Nhân Chính đã tạo nhiều cơ hội việc làm cho người dân địa phương. Khi mới hoạt động, tất cả nhân công của tổ thu gom rác dân lập đều chuyển sang làm việc cho HTX. Cho đến nay, với lượng rác ngày càng tăng, địa bàn hoạt động cũng nhiều hơn điều đó yêu cầu HTX tuyển thêm nhiều công nhân gom rác. Tính đến thời điểm hiện tại số lao động ở phường Nhân Chính thuộc tổ thu gom của HTX là 41 trên tổng số 55 lao động. Như vậy số lao động thuộc phường Nhân Chính chiếm khoảng 75 % tổ thu gom.

Hiệu quả quản lý

- Khung pháp lý về xã hội hóa thu gom, vận chuyển rác thải được bổ sung và hoàn thiện, tạo tiền đề để tiếp tục phát triển mô hình

Quá trình vận hành mô hình XHH công tác quản lý rác thải trong một khoảng thời gian cho thấy mô hình mang lại được nhiều lợi ích cho xã hội, người dân, và cả các đơn vị tham gia. Từ đó khung pháp lý về mô hình này càng được bổ sung và hoàn thiện để tạo tiền đề tiếp tục

phát triển hoạt động XHH. Một số văn bản liên quan đến việc thực hiện đề án XIII gồm:

- Nghị quyết số 08/2000/NQ-HĐ ngày 27/07/2000 của HĐND thành phố Hà Nội thông qua đề án thí điểm thực hiện XIII công tác thu gom và vận chuyển rác thải, phế thải trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 7493/QĐ-UB ngày 09/12/2003 về phê duyệt bổ sung đơn giá thanh toán cho công tác bao thầu và sự nghiệp đô thị thuộc ngành GTCC và thanh toán cho các đơn vị XHH về VSMT trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 30/12/2004 của UBND Thành phố về việc ban hành cơ chế tài chính đối với các thành phần kinh tế tham gia XHH vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố.

- Quyết định số 52/2005/QĐ-UB ngày 20/04/2005 của UBND Thành phố quy định về thu phí vệ sinh trên địa bàn thủ đô.

- Quyết định số 111/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 về việc thu phí vệ sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội, quyết định này ban hành thay thế quyết định số 52/2005/QĐ-UB ngày 20/04/2005.

Cho đến nay, bên cạnh Công ty MTĐT Hà Nội, các đơn vị XHH ngoài quốc doanh đang được đảm nhiệm các hoạt động duy trì VSMT trên 17 địa bàn phường xã tại thủ đô. Ngoài HTX Thành Công còn có Công ty Cổ phần dịch vụ môi trường Thăng Long và Công ty cổ phần Xanh cũng ra đời và hoạt động từ kết quả của chính sách XHH.

- Giảm gánh nặng ngân sách cho Nhà nước

Trong khi vận hành Công ty MTĐT, Nhà nước phải bỏ toàn bộ kinh phí đầu tư mua sắm các trang thiết bị và các chi phí vận hành khác thì đối với mô hình XHH như Thành Công thì HTX phải tự mua sắm tất cả các thiết bị và vận hành. Tuy nhiên, chỉ sau một năm hoạt động, HTX đã nâng tổng số vốn từ 2,1 lên 4,6 tỷ đồng. Đến hiện tại, tổng vốn cố định và lưu động dài hạn của HTX đã lên tới 21 tỷ đồng, khả năng sinh lời từ hoạt động thu gom vận

chuyển rác cao. Như vậy mô hình không những đem lại lợi ích về kinh tế, xã hội mà còn làm giảm một lượng đáng kể về tài chính cho ngân sách Nhà nước.

- Tăng cường sự phối kết hợp giữa thành phố và địa phương, giữa các đơn vị XHH trong việc thực hiện chính sách.

Mặc dù độc lập về hoạt động nhưng vẫn có một sự phối kết hợp giữa đơn vị XIII và các cơ quan chức năng của Thành phố để đảm bảo sự đồng nhất về tổ chức quản lý. Hàng tháng cán bộ quản lý của HTX tham gia các cuộc họp của Sở GTCC để báo cáo tình hình hoạt động, cập nhật các qui định pháp lý. Mặt khác, HTX còn được Công ty MTĐT Hà Nội hỗ trợ, đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật.

Giữa các đơn vị XHH cũng có sự kết hợp với nhau trong việc ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác. Từ tháng 11/2005, HTX Thành Công liên doanh với Công ty Cổ phần Xanh duy trì VSMT ở 6 phường thuộc quận Thanh Xuân. Việc kết hợp này giúp cho các đơn vị hỗ trợ nhau về mặt kỹ thuật cũng như về mặt lao động.

4. Các đề xuất liên quan

4.1. Các khó khăn của mô hình XHH

Khó khăn về khung chính sách

Hiện nay, ở Hà Nội, bên cạnh HTX Thành Công còn có Công ty Môi trường đô thị, Công ty cổ phần dịch vụ Thăng Long cùng tham gia XHH. Tuy nhiên, thành phố lại xây dựng đơn giá khác nhau về thu gom và vận chuyển rác thải công cộng cho các doanh nghiệp này. Điều này dẫn tới sự mất công bằng trong phân chia lợi ích của các đơn vị, có thể dẫn tới mất công bằng trong thu nhập của người lao động, từ đó có thể giảm động cơ gia tăng chất lượng thu gom rác thải công cộng tại các phường, xã tham gia XHH.

Khó khăn về nguồn tài chính

Một trong những khó khăn của HTX Thành Công hiện nay là thiếu kinh phí. Kinh phí thu gom rác ở ngõ xóm từ các năm trước đến nay chưa được thanh toán vì đề án XIII quy định dùng phí vệ sinh để cân đối lại kinh phí thu gom rác ngõ xóm nên hiện tại khu vực công cộng vẫn chưa được thu gom thỏa đáng. Ngoài ra, do địa bàn hoạt động ngày càng mở rộng, lượng rác ngày càng gia tăng, với sự eo hẹp về tài chính nên HTX không thể bảo đảm đủ phương tiện kỹ thuật hoạt động thỏa đáng, điển hình là số xe chuyên dùng chở rác và ép rác còn thiếu, biểu hiện là sự chậm trễ thời gian cầu rác, do xe phải đến nhiều địa điểm cầu rác hơn.

Khó khăn về ý thức của người dân

Mặc dù đã có rất nhiều hoạt động tuyên truyền về VSMT nhưng nói chung ý thức của có một bộ phận không nhỏ người dân vẫn chưa cao. Điển hình là số người dân đổ rác không đúng giờ quy định mặc dù HTX đã cố gắng bố trí thời gian thu gom hợp lý nhưng vẫn không thể đáp ứng hết nhu cầu của người dân. Ngoài ra, tỷ lệ thu gom phí VSMT ở phường Nhân Chính mới chỉ là hơn 80%, trong đó nhóm không đóng phí chủ yếu là các cửa hàng buôn bán nhỏ, sinh viên, nhà trọ vẫn được hưởng dịch vụ thu gom, từ đó ảnh hưởng một phần đến hiệu quả hoạt động của HTX.

4.2. Các giải pháp đề xuất

Giải pháp về khung chính sách

Thực tế cho thấy để nâng cao chất lượng mô hình XHH thu gom, vận chuyển rác thải nói riêng và giải quyết các vấn đề môi trường nói chung thì vai trò quản lý của nhà nước là rất then chốt trong việc ban hành các cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai các dự án về VSMT. Cụ thể như sau:

- Đề giải quyết vướng mắc về chênh lệch giá giữa Công ty MTĐT với các đơn vị XIII khác thì thành phố cần triển khai xây dựng thống nhất mặt bằng giá, cấp bổ sung kinh phí

duy trì vệ sinh ngõ xóm cho HTX Thành Công như đối với Cty MTĐT và Công ty Thăng Long.

- Tạo điều kiện để các đơn vị đang và sẽ tham gia hoạt động trong lĩnh vực môi trường tăng cường giao lưu hợp tác học hỏi lẫn nhau về kinh nghiệm quản lý cũng như các vấn đề có liên quan tới VSMT.

- Xây dựng và thực thi những biện pháp mạnh mang tính kinh tế dựa trên nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền để xử lý các trường hợp vi phạm vứt rác bừa bãi, không nộp phí.

Giải pháp về trình độ quản lý

- Các đơn vị cần chủ động học hỏi lẫn nhau về kinh nghiệm quản lý, bên cạnh đó cần mở rộng giao lưu hợp tác với nước ngoài để có điều kiện học hỏi và chuyển giao công nghệ, đào tạo đội ngũ quản lý

- Trong nội bộ từng đơn vị cần mở những lớp tập huấn nhỏ về kiến thức rác thải cho công nhân viên thu gom nhằm không ngừng cải thiện dịch vụ cung cấp.

Các giải pháp nâng cao nhận thức cộng đồng

Mục đích của giải pháp này là nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề bảo vệ môi trường thông qua các hình thức tuyên truyền khác nhau như cung cấp các kiến thức về rác thải, ảnh hưởng của rác thải tới cuộc sống, sức khỏe của con người. Giải pháp này phải thực hiện lâu dài bằng các chương trình hành động với mục tiêu định hướng rõ ràng để dần thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của các đối tượng quản lý là cộng đồng nhân dân. Ngoài ra, một vấn đề cần quan tâm nữa là nâng cao nhận thức của phụ nữ trong quản lý rác thải. Thực tế cho thấy trong gia đình người phụ nữ là người trực tiếp quản lý rác thải phát sinh, trong các tổ chức thu gom rác thải thì nữ giới chiếm phần đông. Chính vì thế mà cần đề cao vai trò của người phụ nữ trong công tác BVMT nói chung và quản lý rác thải nói riêng để nâng cao hiệu quả quản lý.

5. Kết luận

Chính sách XHH thu gom, vận chuyển rác thải của Thành phố Hà Nội khởi xướng năm 2000 đã tạo ra tiền đề cho sự tham gia của khu vực tư nhân và cộng đồng trong quản lý chất thải rắn đô thị. Bên cạnh các doanh nghiệp nhà nước, các mô hình doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, cộng đồng thu gom và vận chuyển rác đã ra đời và hoạt động, từng bước đạt được các kết quả khá quan trọng, giảm bớt gánh nặng nguồn lực cho Nhà nước.

Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải của HTX vệ sinh môi trường Thành Công trên địa bàn phường Nhân Chính. Kết quả đánh giá cho thấy mô hình đạt được hiệu quả trong cả bốn khía cạnh là kinh tế, xã hội, môi trường và quản lý. Cụ thể là, hoạt động của mô hình mang lại lợi nhuận và tạo tiền đề để tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh cho đơn vị XIII là HTX Thành Công. Tỷ lệ rác thải được thu gom cao so với các khu vực đô thị khác, đa phần người dân hài lòng với chất lượng của dịch vụ. Về mặt xã hội, mô hình cũng đạt được sự tham gia của người dân và ủng hộ của các đoàn thể tại địa phương, tỷ lệ tham gia đóng phí của người dân và các tổ chức trên địa bàn cũng tăng lên đáng kể so với khi mới hoạt động. Ngoài ra, HTX đã tạo ra cơ hội làm việc cho nhiều cư dân địa phương, góp phần cải thiện thu nhập và phúc lợi xã hội cho người lao động. Xét về hiệu quả

quản lý, hoạt động của HTX đã giảm bớt gánh nặng tài chính cho ngân sách thành phố, đồng thời tạo ra những phân hồi giúp thành phố tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách để hỗ trợ mô hình XHH tiếp tục phát triển.

Tuy nhiên, hoạt động của mô hình vẫn gặp phải những khó khăn về cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính cũng như ý thức chưa cao của một bộ phận người dân. Đây cũng chính là những khía cạnh mà các nhà quản lý cần quan tâm và đưa ra các giải pháp cụ thể để tiếp tục hỗ trợ và khuyến khích, thúc đẩy mô hình XHH quản lý rác thải.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tổng Cục Bảo vệ Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường năm 2007*, Tổng Cục Bảo vệ Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2007.
- [2] Trần Thanh Lâm, Xã hội hoá bảo vệ môi trường - một yêu cầu bức xúc của phát triển bền vững *Tạp chí Bảo vệ Môi trường*, Số 9 (2003) 15-23.
- [3] Environmental Economics Program of South East Asia, *Framework for Evaluating Environmental Policies*. Project Report for Annual Meeting 2nd, Bangkok, Thailand, May 2007.
- [4] Nancy Olewiler, *Environmental Policy Analysis: Theory and Practice*, Edward Elgar, USA, 2007.
- [5] Hợp tác xã vệ sinh môi trường Thành Công, 2008, *áo cáo tài chính tháng 3/2008*.

Some insights of the socialization policy of waste management in Hanoi from the operation of Thanh Cong environment cooperative in Nhan Chinh commune

Dinh Duc Truong

*Faculty of Environmental & Urban Economics Management, National Economics University,
207 Giai Phong, Hanoi, Vietnam*

The socialization policy of waste management initiated by Hanoi People Committee (2000) has become a basis for the participation of private sector and civil society in urban waste management. Apart from government entities, waste management private enterprises, cooperatives and community based organizations have been lately emerging and gradually achieve initial successes while sharing resource burden with government in providing urban public services. This research aims at providing some insights of the socialization policy of waste management in Hanoi by assessing the operation of Thanh Cong Environment Cooperative in Nhan Chinh commune. The results imply that this cooperative pattern achieves effectiveness in terms of economic, environment, social and management perspectives. However, the model is still facing difficulties relating to policy framework, financial resource and awareness of local people. These issues in turns should be dealt by solutions from both government and private sectors so that the socialization policy will be further encouraged.